

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 37/2020/HN-ST

Ngày: 08/02/2021

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nghiệm.

Bà Trần Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quý** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim G**, sinh năm 1989.

Cư trú: ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Lê Võ Trường A**, sinh năm 1988.

Cư trú: ấp Thạnh Lạc Đông, xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Chị G có mặt, anh A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị G trình bày:

Chị và anh A do quen biết tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới năm 2012 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/11/2012.

Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh A đi nhậu về chị nói thì xảy ra cự cãi nhau, anh A đi về nhà cha mẹ ruột sống được hai gia đình hàn gắn nên vợ chồng về sống lại. Gần đây, anh A bỏ đi

mấy tuần lễ không về nhà nên gia đình tìm kiếm kêu về, anh về sống được một tuần lễ thì anh bỏ đi tiếp cho đến nay.

Nay chị thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/9/2013, hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Võ Trường A vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Giàu.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Gi với anh D. Về con chung: giao cháu Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/9/2013 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim G và anh Lê Võ Trường A tự nguyện tổ chức cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Nhứt, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 126 ngày 05/11/2012 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Võ Trường A đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh A.

Ngày 05/02/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim G có đơn xin vắng mặt cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị G.

[2] Về nội dung: Chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh A nguyên nhân do anh đi nhậu về chị nói thì xảy ra cự cãi nhau, anh A bỏ nhà đi nhiều lần, không có trách nhiệm với con, gia đình và hiện anh đang sống bên nhà cha mẹ ruột. Chị đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không được nên chị đã ly thân từ tháng 08/2020 đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục để kéo dài làm ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng. Tòa án nhiều lần mời anh A đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến, điều này thể hiện anh A không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của chị G là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/11/2013 hiện đang sống với chị G. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B. Xét thấy, cháu B đã sống với chị G ổn định về tâm lý, chỗ ở và cháu B có mong muốn được sống với mẹ nên cần tiếp tục giao cháu B cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị G phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim Giàu.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim G được ly hôn với anh Lê Võ Trường A.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/09/2013 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí HNST:

Chị Nguyễn Thị Kim G phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0016881 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị G đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh A, chị G kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Đương sự;
- UBND xã Bình Nhì;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình

